

Bản án số: 258/2019/HNGĐ-ST

Ngày 14 tháng 10 năm 2019

V/v: “*Ly hôn – Tranh chấp nuôi con chung*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lâm Thành Quang**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Trịnh Văn Điệp** - Ông **Nguyễn Việt Thắng**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Trịnh Nga Muội** - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 457/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 về việc: “*Ly hôn – Tranh chấp nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 479/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thúy K**, sinh năm 1981.

- *Bị đơn:* Anh **Lý Huy C**, sinh năm 1978.

Cùng trú tại: Ấp 6, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau

(*Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt – Bị đơn vắng mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Chị Nguyễn Thúy K trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh C chung sống với nhau từ năm 1999, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục truyền thống nhưng không có đăng ký kết hôn.

Trong thời gian chung sống, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng thời gian sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung tên: Lê Khánh T, sinh năm 2000 (Giới tính: Nam), Lý Minh Kh, sinh năm 2004 (Giới tính: Nam), Lý Duy K, sinh năm 2007 (Giới tính: Nam). Do, cháu T đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Kh và cháu K hiện do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, các cháu có nguyện vọng sống chung với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng. Không đặt ra việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, chị yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định.

Đối với anh Lý Huy C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, thể hiện chị K yêu cầu ly hôn với anh C. Nhưng anh C vẫn không có văn bản ý kiến trình bày đối với các yêu cầu khởi kiện của chị K.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án ghi nhận ý kiến cháu Lý Duy Kh có nguyện vọng được sống chung với chị K. Đối với cháu Lý Minh K thì Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến, hiện cháu đang sống chung với anh C. Anh C, không có mặt tại địa phương.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh C vắng mặt, nguyên đơn là chị K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bảo lưu ý kiến tại đơn khởi kiện.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Do bị đơn vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Chị K có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Anh C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét xử vắng mặt nguyên và bị đơn là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Đơn xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xác định chị K và anh C không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trần Hợi và đồng thời, chị K cũng xác định chị và anh C chung sống với nhau từ năm 1999, không có đăng ký kết hôn. Mặc dù, chị K và anh C có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh, chị không đăng ký theo quy định nên việc kết hôn không thỏa mãn về mặt hình thức. Nay, chị K yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, hôn nhân giữa chị K và anh C có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ chồng phù hợp với quy định tại Điều 9; Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp.

[5] Về con chung: Chị K cung cấp 3 giấy khai sinh thể hiện giữa chị K và anh C có 03 người con chung tên: Lê Khánh T, sinh năm 2000 (Giới tính: Nam), Lý Minh Kh, sinh năm 2004 (Giới tính: Nam), Lý Duy K, sinh năm 2007 (Giới tính: Nam). Đối

với cháu Tường đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Đối với cháu Kh do chị K chăm sóc, nuôi dưỡng, đồng thời cháu Kh có nguyện vọng sống chung với chị K. Còn cháu K, thì Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến, nhưng chị K đồng ý giao cháu K cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, nhằm ổn định cuộc sống của cháu Kh và cháu K, không bị ảnh hưởng tâm sinh lý của việc cha, mẹ ly hôn nên giao cháu Kh cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng, anh C tiếp tục nuôi dưỡng cháu K. Phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Không đặt ra việc cấp dưỡng.

[6] Về tài sản chung và nợ: Do anh C cố tình vắng mặt. Không có ý kiến trình bày. Chị K xác định giữa chị và anh C không có tài sản chung và không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Trường hợp, các bên đương sự có tranh chấp về chia tài sản và nợ chung sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí: Buộc chị K phải chịu số tiền 300.000 đồng (án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm) theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 177; Điều 179; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 235; Điều 273; Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thúy K và anh Lý Huy C là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thúy K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên: Lý Duy Kh, sinh năm 2007 (Giới tính: Nam). Anh Lý Huy C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên: Lý Minh K, sinh năm 2004 (Giới tính: Nam).

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp, bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp

nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Số tiền 300.000 đồng mà chị Nguyễn Thúy K đã dự nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003406 ngày 09/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu đối trừ.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Nguyên đơn; Bị đơn (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Lâm Thành Quang**